TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 146/2022/HSPT
Ngày: 15/4/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn.**

Các thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường.**

Ông **Mai Xuân Thành**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Ra**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2022/TLPT-HS ngày 12 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo về tội *"Tổ chức đánh bạc", "Đánh bạc"*. Do có kháng cáo của các bị cáo, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1148/2022/QĐXXPT-HS ngày 18 tháng 02 năm 2022.

- Các bị cáo có kháng cáo và kháng nghị:

1. Trần Văn T (tên gọi khác: Quốc), sinh năm 1986 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn TY, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn V, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; có vợ Phạm Thị Minh H1, sinh năm 1990 (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016; tiền sự: Ngày 29/11/2018, bị Công an huyện S, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 750.000 đồng về hành vi đánh người khác (đã nộp phạt); ngày 24/5/2019, bị Công an huyện S, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 750.000 đồng về hành vi đánh người khác (đã nộp phạt); tiền án: Không; nhân thân: Ngày 12/9/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm tuyên phạt 39 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", chấp hành án xong ngày 08/01/2009; tạm

giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 21/01/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh; vắng mặt.

2. Phạm Thành A, sinh năm 1995 tại tỉnh Phú Yên; nơi cứ trú: Thôn TY, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; có vợ Nguyễn Thị H2, sinh năm 1995 và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019; tiền sự: Ngày 08/6/2018 bị Công an huyện S, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi đánh nhau (đã nộp phạt); ngày 29/11/2018 bị Công an huyện S, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành vi đánh người khác (đã nộp phạt); tiền án: Không; nhân thân: Ngày 27/02/2012, bị Ủy ban nhân dân huyện S áp dụng biện pháp đưa vào Trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng về hành vi đánh người, gây rối trật tự công cộng, chấp hành xong ngày 07/3/2014; ngày 13/6/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm tuyên phạt 01 năm 06 tháng tú về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ", chấp hành án xong ngày 08/11/2017; tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 21/01/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh; vắng mặt.

3. Trần Ngọc H3, sinh năm 1989 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: Thôn Phước Lộc 2, xã Hòa Thành, Đông Hòa, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Ngọc P, sinh năm 1966 và bà Lê Thị Th1, sinh năm 1965; có vợ Hà Thị Thanh Th và 01 con, sinh năm 2017; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Ngày 08/5/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong 19/8/2008; tạm giữ từ ngày 12/11/2019 đến ngày 14/11/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

4. Trần Đình T1, sinh năm 1975 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn 18, xã Eariêng, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Anh T2 (chết) và bà Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1947; có vợ Hồ Thị H4, sinh năm 1988 và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền sự, tiền án: Không; tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 09/01/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh; có Đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Trần Trọng T3, sinh năm 1989 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn 7, xã EaLai, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Trọng S, sinh năm 1957 và bà Phan Thị B, sinh năm 1959; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 14/6/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm phạt 04 tháng tù về tội Đánh bạc, chấp hành xong ngày 17/11/2017; nhân thân: Ngày 26/5/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử

phúc thẩm phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 07/01/2010; tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 10/01/2020, thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh; vắng mặt.

6. Lý Văn N, sinh năm 1966 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn 5, xã C1, huyện M, tỉnh tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lý Văn R (chết) và bà Tơ Thị T4 (chết); có vợ Vũ Thị Huệ, sinh năm 1972 (đã ly hôn) và 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Ngày 08/12/1990, bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh ĐăkLăk xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa"; ngày 19/8/2019, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên khởi tố bị can về tội "Đánh bạc"; tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 09/01/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh; có mặt.

7. Nguyễn Văn T6, sinh năm 1958 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn 4, xã Cư Króa, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C2 (chết) và bà Hoàng Thị S1 (chết); có vợ Nguyễn Thị B1, sinh năm 1958; và 04 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền sự, Tiền án: Không; tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 09/01/2020, thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh; có mặt.

8. Nguyễn Ngọc Q (tên gọi khác: Cu em), sinh năm 1992 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: Thôn TY, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Tr1, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Th3, sinh năm 1958; có vợ Nguyễn Thị H5, sinh năm 1992; tiền sự, tiền án: Không; tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 09/01/2020 thay đổi biện pháp ngăn chăn bảo lĩnh; có Đơn xét xử vắng mặt.

9. Trương Minh T7, sinh năm 1986; tại tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn M'Đrắk, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trương Minh Hồng, sinh năm 1945 và bà Trần Thị Quang, sinh năm 1947; có vợ Đỗ Thị Huyền, sinh năm 1990 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Ngày 04/7/2008, bị Công an thị trấn M'Đrăk, huyện M'Đrăk xử phạt hành chính 500.000 đồng về hành vi Đánh bạc (đã nộp phạt); tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 09/01/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh; có mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác:

Người bào chữa cho bị cáo Trương Minh T7: Bà Nguyễn Thị Khánh Duy - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Đình T1, bị cáo Trần Trọng T3: Luật sư Đinh Xuân Tĩnh- Văn phòng luật sư An Việt Luật. Địa chỉ: Số 278A Lý Thường Kiệt, p Thắng Lợi, tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đoàn Văn Nhữ, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn 4, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên.

- Anh Trần Văn Thành, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn 17, xã Eariêng, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Anh Ngô Sỹ Huy, sinh năm 1975; nơi cư trú: 59 Phan Huy Chú, phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Nguyễn Thanh Vân, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn 17, xã Eariêng, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Chị Nguyễn Thị Thanh Nhật, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn TY, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên.

- Anh Trần Hồng Bình, sinh năm 1989; nơi cư trú: Khu phố 2, Phường Phú Lâm, thành phố Tuy Hòa, Phú Yên.

- Anh Nguyễn Văn Đạt, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn Phú Lễ, xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Ông Nguyễn Văn Định, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Thôn Phú Lễ, xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và kháng cáo của một số bị cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/11/2019, Trần Văn T gọi điện thoại rủ Trần Đình T1 đến nhà T thuê ở thôn TY, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên để đánh bạc. Tại nhà T1 lúc này có Lý Văn N, Nguyễn Văn T6 và Trần Văn Thành. T1 nói lại việc T rủ xuống nhà T đánh bạc, thì N, T6 và Thành cùng đồng ý đi đến nhà T đánh bạc. T1 điều khiển xe ôtô biển số 47A-113.50 chở N, T6 và Thành cùng đi, trên đường đi T1 điện thoại rủ Trần Trọng T3. Thành điện thoại rủ Trương Minh T7 cùng đi, khi đi đến huyện M'Đắk, tỉnh Đăk Lăk, T1 đưa xe cho Thành điều khiển chở tất cả đến nhà T. Trần Ngọc H3, Nguyễn Ngọc Q và Nguyễn Văn Nhữ biết tại nhà T thuê chuẩn bị tổ chức đánh bạc nên đến tham gia đánh bạc. Để tổ chức đánh bạc, T gọi điện thoại nói Phạm Thành A đến chuẩn bị dụng cụ để đánh bạc và thu tiền xâu đưa lại cho T. A đến lấy dụng cụ gồm 01 bộ xóc đĩa có 04 con vị được cắt ra từ quân cơ của bộ bài tây 52 lá, 01 đĩa sứ, 01 chén sứ và chiếu đem trải tại phòng bếp trong nhà T thuê để tổ chức đánh bạc. T trả tiền công cho A 500.000

đồng/đêm, A có nhiệm vụ thu tiền xâu đối với người chơi thắng cược từ 1.000.000 đồng trở lên, theo T quy ước đối với người chơi thắng từ 1.000.000 đồng trở lên thì A thu tiền xâu 50.000 đồng/1.000.000 đồng cuối buổi đưa lại cho T. Khoảng 22 giờ cùng ngày, T1 làm cái xóc đĩa cho T, N, T7, T6, T3, H3, Q đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức chẵn lẻ; đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 12/11/2019, T1 đưa lại cho T làm cái xóc đĩa để N, T7, T6, T3, H3 và Q đánh bạc, số tiền đánh bạc một người mỗi ván khoảng từ 50.000 đồng đến 1.000.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc mỗi ván khoảng dưới 10.000.000 đồng. Đến 01 giờ 50 phút ngày 12/11/2019, Công an tỉnh Phú Yên bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc 24.930.000 đồng. Thu trên người các con bạc gồm H3 6.000.000 đồng, T6 3.000.000 đồng, Q 100.000 đồng, T3 60.000 đồng (tiền sẽ dùng đánh bạc). A đã thu tiền xâu khoảng 04 đến 05 lần được khoảng 300.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Căn cứ Điểm c, Khoản 2 Điều 290; Khoản 1 Điều 291; Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn T, Phạm Thành A phạm tội "Tổ chức đánh bạc"; các bị cáo Trần Ngọc H3, Trần Đình T1, Trần Trọng T3, Lý Văn N, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Ngọc Q, Trương Minh T7 phạm tội "Đánh bạc".

+ Áp dụng Điểm c, Khoản 1, Khoản 3 Điều 322; Điểm s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn T, Phạm Thành A; phạt:

- Bị cáo **Trần Văn T – 03** (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 21/01/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn T 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

- Bị cáo **Phạm Thành A – 02** (Hai) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 21/01/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thành A 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Ngọc H3, Trần Đình T1, Trần Trọng T3, Lý Văn N, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Ngọc Q, Trương Minh T7; thêm Khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo H3, T1, T3, N, T6, Q; thêm Điểm i, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T1, T6, Q, T7; thêm Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T1, T7; thêm Điểm h, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T3; thêm Khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N, phạt:

- Bị cáo **Trần Ngọc H3 - 02** (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 12/11/2019 đến ngày 14/11/2019.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Ngọc H3 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

- Bị cáo **Trần Trọng T3 - 01** (Một) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 10/01/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Trọng T3 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

- Bị cáo **Lý Văn N - 01** (Một) năm **06** (Sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt **07** (Bảy) tháng tù tại Bản án số: 10/20202/HSST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk. Buộc bị cáo Lý Văn N phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là: **02** (Hai) năm **01** (Một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/7/2020 (Ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án), nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 13/8/2019 đến ngày 19/8/2019 (Đối với hành vi phạm tội tại huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk) và tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 09/01/2020 (Đối với hành vi phạm tội tại huyện S, tỉnh Phú Yên).

Phạt bổ sung bị cáo Lý Văn N 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

- Bị cáo **Trần Đình T1 - 01** (Một) năm **03** (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 09/01/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Đình T1 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

- Bị cáo **Nguyễn Văn T6 - 01** (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 09/01/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T6 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

- Bị cáo **Nguyễn Ngọc Q - 01** (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 09/01/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Ngọc Q 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

- Bị cáo **Trương Minh T7 - 08** (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 09/01/2020.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 22/QĐ-VKS-VC2 ngày 18/8/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị

Tòa phúc thẩm: Hủy Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên để điều tra, xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 23/7/2020, bị cáo Trần Ngọc H3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/7/2020, bị cáo Nguyễn Ngọc Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 30/7/2020, các bị cáo Trần Trọng T3, Trần Đình T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và giảm số tiền nộp phạt.

Ngày 3/8/2020, bị cáo Nguyễn Văn T6 kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 276/2020/HSPT ngày 28/9/2020 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T6 sửa bản án sơ thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo khác; tại Quyết định Giám đốc thẩm số 48/2021/HS-GĐT ngày 06/10/2021 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao đã chấp nhận kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tôi cao hủy toàn bộ Bản án phúc thẩm nói trên chuyển hồ sơ vụ án cho TAND cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trương Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy một phần Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T, giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm điều tra xét xử lại. Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T6 là có căn cứ đề nghị xem xét cho bị cáo T6 được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 BLHS; đối với kháng cáo của các bị cáo khác đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T6: Hoàn cảnh gia đình khó khăn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Bị cáo Lý Văn N: Đề nghị giữ nguyên mức hình phạt như án sơ thẩm đã tuyên.

Bị cáo Trương Minh T7: Đề nghị giữ nguyên mức hình phạt tù án sơ thẩm đã tuyên.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt, các bị cáo Trần Đình T1, Nguyễn Ngọc Q trình bày gia đình các bị cáo khó khăn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận:

[1] Phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, các bị cáo tại ngoại Trần Văn T, Phạm Thành A đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa

nhưng điều vắng mặt; đối với các bị cáo Trần Ngọc H3, Trần Trọng T3 có đơn của gia đình xác nhận của chính quyền địa phương báo các bị cáo đã đi chấp hành án; đối với các bị cáo Trần Đình T1, Nguyễn Ngọc Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người bào chữa cho các bị cáo Trương Minh T7, Trần Đình T1, Trần Trọng T3 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo và người bào chữa theo quy định tại Điều 351 BLTTHS.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, thấy:

[2.1] Khoảng 22 giờ ngày 11/11/2019, tại nhà của Trần Văn T thuê ở thôn TY, xã E, huyện S, tỉnh phú Yên; T và Phạm Thành A đã tổ chức cho Trần Đình T1, Lý Văn Văn N, Nguyễn Văn T6, Trần Trọng T3, Trương Minh T7, Trần Ngọc H3, Nguyễn Ngọc Q đánh bạc ăn thua bằng tiền với hình thức xóc đĩa; đến khoảng 01 giờ 50 phút ngày 12/11/2019 thì bị bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc và trên người các con bạc 34.090.000 đồng. Tòa án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Văn T và Phạm Thành A về tội "Tổ chức đanh bạc" các bị cáoTrần Đình T1, Lý Văn Văn N, Nguyễn Văn T6, Trần Trọng T3, Trương Minh T7 Trần Ngọc H3, Nguyễn Ngọc Q về tội "Đánh bạc" là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Đối với bị cáo Trần Văn T ngoài hành vi tổ chức đánh bạc, Trần Văn T còn trực tiếp tham gia đánh bạc với vai trò là con bạc và người cầm cái xóc đĩa cho các con bạc là bị cáo khác cùng đánh bạc và bị bắt quả tang với tổng số tiền thu giữ 34.090.000đ; Tòa án sơ thẩm đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên yêu cầu điều tra bổ sung, nhưng tại Công văn số 782/CV-VKS-P1 ngày 5/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên giữ quan điểm truy tố. Xét thấy, cấp sơ thẩm không điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Trần Văn T về tội "đánh bạc" là thiếu sót, bỏ lọt hành vi phạm tội và tội danh đối với Trần Văn T. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T, phù hợp với nhận định của Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy một phần bản án sơ thẩm về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T để điều tra, truy tố, xét xử lại đúng quy định của pháp luật theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự; đối với các bị cáo khác không có kháng cáo và tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã rút kháng nghị, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm, bản án sơ thẩm đối với các bị cáo có hiệu lực pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo **Trần Ngọc H3, Nguyễn Ngọc Q, Trần Trọng T3, Trần Đình T1; xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn T6**, thấy:

[2.1] Bị cáo Trần Ngọc H3 là người trực tiếp tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt, đem theo số tiền 66 triệu đồng, dùng đánh bạc 06 triệu và đánh bạc số tiền lớn nhất so với các đồng phạm còn lại; bị cáo có nhân thân xấu đã từng bị kết án về tội Trộm cắp tài sản. Đối với bị cáo Trần Trọng T3 là người trực tiếp tham gia đánh bạc; bị cáo Trần Trọng T3 đang có tiền án về tội Đánh bạc, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Đối với bị cáo Trần Đình T1 sau khi nhận điện thoại của Trần Văn T rủ đánh bạc, đã trực tiếp rủ thêm Lý Văn N, Nguyễn Văn T6, Trần Trọng T3 và sử dụng xe ô tô chở các đồng phạm đến nhà T cùng tham gia, làm chủ cái từ khoảng 22 giờ đến 00 giờ 10 phút. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T6 đem theo 3.000.000 đồng đánh bạc khoảng 20 ván; bị cáo Nguyễn Ngọc Q đem theo 150.000 đồng và mượn bị cáo H3 2.000.000 đồng đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt.

[2.2] Với nhưng hành vi trên của các bị cáo, khi quyết định hình phạt Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất và mức độ phạm tội, hậu quả của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo xử phạt các bị cáo như quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, không nặng và phù hợp quy định của pháp luật. Các bị cáo kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, khác; do đó không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Các phần khác và quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Các Bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Trần Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356, Điều 348, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị số 22/QĐ-VKS-VC2 ngày 18/8/2020 của Viện trưởng Viện kiêm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T và giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhân kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc H3, Nguyễn Ngọc Q, Trần Trọng T3, Trần Đình T1, Nguyễn Văn T6 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Ngọc H3, Trần Đình T1, Trần Trọng T3, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Ngọc Q, thêm Điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T1, T6, Q; thêm Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T1; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T3; xử phạt:

- Bị cáo **Trần Ngọc H3 – 02** (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 12/11/2019 đến ngày 14/11/2019.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Ngọc H3 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

- Bị cáo **Trần Trọng T3 – 01** (Một) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 10/01/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Trọng T3 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

- Bị cáo **Trần Đình T1 – 01** (Một) năm **03** (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 09/01/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Đình T1 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

- Bị cáo **Nguyễn Văn T6 – 01** (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 09/01/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T6 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

- Bị cáo **Nguyễn Ngọc Q – 01** (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến ngày 09/01/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Ngọc Q 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Phạm Thành A, Lý Văn N và Trương Minh T7; Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đối với các bị cáo Phạm Thành A, Lý Văn N và Trương Minh T7 có hiệu lực pháp luật.

4. Các phần khác và quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Án phí phúc thẩm: **Các bị cáo Trần Ngọc H3, Nguyễn Ngọc Q, Trần Trọng T3, Trần Đình T1, Nguyễn Văn T6** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, mỗi bị cáo phải chịu là 200.000, đồng (Hai trăm ngàn đồng). Bị cáo Trần Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Yên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HCTP, HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn